

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 08-01-2025
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin và bà Trần Thị Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ T2 Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nhã P, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Đội 9, thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(chị P có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Nhã P trình bày:

Chị và anh Lê Văn T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bính, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay là xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương) vào ngày 20-12-2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Ninh Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có

nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Anh T còn có việc hành hung chị khiến chị phải nhập viện để điều trị. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không còn hạnh phúc chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5-2024 đến nay. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không còn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Minh T2, sinh ngày 09-5-2017 và Lê Minh A, sinh ngày 23-5-2022. Hiện nay cháu T2 đang ở cùng với anh T và bà nội, còn cháu Minh Anh đang ở cùng với chị. Nay anh chị ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh Anh còn giao cho anh T nuôi dưỡng cháu T2. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ, sau khi ly hôn chị được ông bà hỗ trợ về chỗ ở cũng như việc chăm sóc cháu Minh Anh. Chị làm công việc tự do mức thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị Nhã P được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay là xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương). Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn Ninh Xá, xã Lê Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không còn hạnh phúc chị P đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5-2024 đến nay. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không còn tình cảm. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được chị P xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là Lê Minh T2, sinh ngày 09-5-2017 và Lê Minh A, sinh ngày 23-5-2022. Hiện nay cháu T2 đang ở cùng với anh và bà nội, còn cháu Minh Anh đang ở cùng với chị P. Nay vợ chồng anh chị ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh tự nguyện không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm công nhân thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/ tháng. Anh được mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như việc chăm sóc con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Nhã P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Nhã P được ly hôn anh Lê Văn T.

2.Về con chung: Giao con chung là Lê Minh T2, sinh ngày 09-5-2017 cho anh Lê Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Lê Minh Anh, sinh ngày 23-5-2022 cho chị Lê Thị Nhã P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Nhã P và anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Nhã P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Lê Thị Nhã P có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Lê Văn T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ninh Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Nhã P và anh Lê Văn T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bính, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay là xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh T và chị P cùng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2024 và không còn tình cảm nữa. Chị P xin ly hôn anh T đồng ý. Xác minh tại gia đình và địa P thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hai bên sống ly thân không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải về đoàn tụ nhưng không được.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Minh T2, sinh ngày 09-5-2017 và Lê Minh Anh, sinh ngày 23-5-2022. Hiện nay cháu T2 đang ở cùng với anh T, cháu Minh Anh đang ở cùng với chị P. Khi ly hôn anh T muốn nuôi dưỡng cả hai cháu, chị P có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh Anh còn giao cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng của các bên về việc nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con là ngang nhau. Tuy nhiên để đánh giá giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét về mặt ổn định trong sinh hoạt và học tập để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ. Cháu Minh Anh từ nhỏ cháu ở cùng với mẹ, hiện nay được hơn 2 tuổi. Cháu T2 vẫn được anh T chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống cũng như sinh hoạt, học tập của các cháu Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cháu Lê Minh T2 cho anh Lê Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Minh Anh cho chị Lê Thị Nhã P được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị P đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh T cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị Nhã P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Nhã P được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Minh T2, sinh ngày 09-5-2017 cho anh Lê Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Lê Minh Anh, sinh ngày 23-5-2022 cho chị Lê Thị Nhã P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T, chị P đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Nhã P và anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Nhã P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/23 số 0002683 ngày 10-10-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (theo GCNKH số 35/2017);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt